

COTAB
VIRGINIE

S. I. L. Saigon. (Publication autorisée par arrêté du Gouverneur Général N° 499-N du 17 juillet 1942). Le Gérant: HO-VAN-KY-TRAN

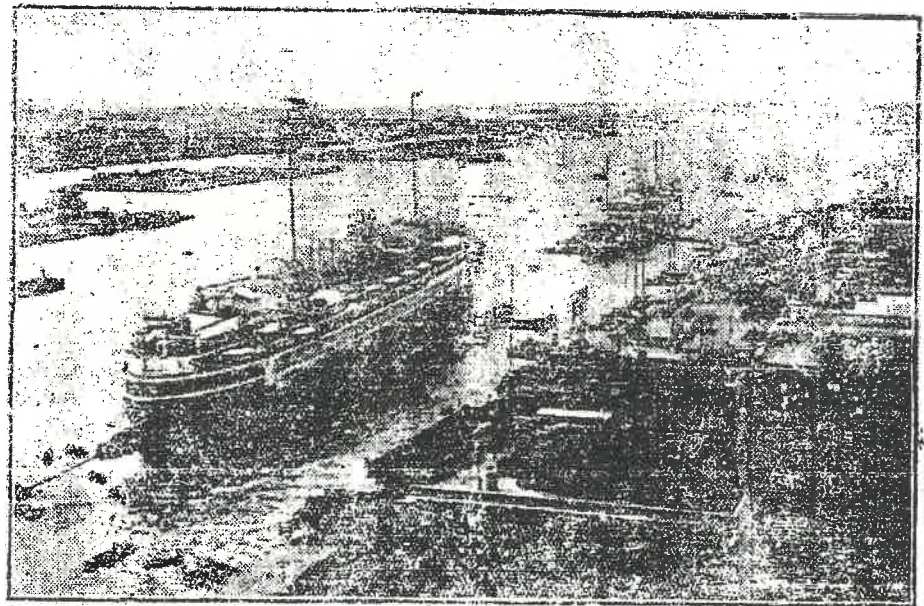
SỐ 81 — GIÁ 0\$30

NGÀY 27 AVRIL 1944

Trần báo

Giám-đọc: HỒ-VĂN-TRUNG *
BẢO QUẢN, 5 ĐƯỜNG REIMS, SAIGON — ĐIỆN-THOẠI SỐ 21.543

VÀM KINH SUEZ (PORT-SAÏD)



Từ Địa-trung-hải qua Hồng-hải

LỜI CỦA QUỐC TRƯỞNG PÉTAIN



Ngày 22 Avril 1944, hồi 19 giờ-40 phút, Quốc-Trưởng PÉTAIN có dùng máy truyền-thính mà ngỏ lời cùng thân dân trong nước. Trong lời thông cáo ấy có câu như vậy :

*"Ma pensée ne vous quitte pas. Votre douleur est la mienne.
" Je m'attacherai à préserver le seul bien que nos épreuves n'entameront
" jamais: C'est l'âme de la France qui, dans le plus atroce déchirement,
" continue, pleurant tant de ruines, tant de morts, à croire en la Providence
" et à espérer en l'avenir "*

DỊCH :

Tri-tướng của bốn chức chẳng hề rời xa các người. Nỗi thống-khổ của các người là nỗi thống-khổ của bốn chức.

Bốn chức chăm lo bảo thủ một tài-sản mà các cuộc gian-nguy không thể động đến được : Ấy là tâm-hồn của nước Pháp, tâm-hồn đó dù phải chịu thống-khổ đến thế nào, đều phải khóc trước những cảnh điêu-tàn, trước những tử-biệt đau-đớn, cũng tin chắc có đấng Tạo-hóa và cũng vẫn trông mong ở tương-lai.

Ngày 24 Avril này là sanh-nhật của Quốc-Trưởng PÉTAIN. Ngày ấy ngài đúng 88 tuổi.

Quan Tổng-Thống Toàn-quyền, bữa 22 Avril, có đánh vô-tuyên-diện mà chúc mừng và tỏ lòng trung thành kính mến của xứ Đông-Pháp.

Công và tội của

TÂN-THỦY-HOÀNG

NÓI tới tên Tân-thủy-Hoàng là người ta nhớ ngay đến một ông vua tàn-bạo trong những ông vua tàn-bạo nhất ở nước Trung-hoa.

Đã tàn-bạo thì tội-ác đều ngang nhau, nhưng có một tội-ác không tha-thứ được ở Tân-thủy-Hoàng là tội đốt sách và chôn học-trò.

Tội-ác đó muôn đời nhà nho còn nhớ mãi và muôn đời họ con kẻ tiếp nhau mà mặt-sát kẻ bạo-quân.

Nhưng Tân-thủy-Hoàng tàn-bạo mà không hèn-ám. Ông đã hành động một cách sáng-suốt theo ý-chí của mình.

Ông là một bậc vĩ-nhân đã gây nên những sự nghiệp phi-thường và đã ảnh-hưởng sâu-sắc tới lịch-sử Trung-quốc.

Nhưng vĩ-nhân là những người xuất-chúng về tài trí cũng như xuất-chúng về tội-ác.

Muốn bình-luận về ông, phải nhắc lại sự nghiệp của ông đầy-dủ cả.

Đời Xuân-Thu dưới quyền nhà Châu người ta tính có tới 160 nước vừa lớn, vừa nhỏ.

Những nước đó đánh lộn với nhau hoài rồi nước mạnh thắng nước yếu, nước lớn nuốt nước nhỏ, rồi cuộc chỉ còn bảy nước tranh hùng là những nước : Sở, Hàn, Ngụy, Triệu, Yên, Tề, Tần.

Năm 249 trước kỷ-nguyên nhà Châu mất.

Năm 221 nước Tần diệt nước Tề rồi vua Tần xưng đế lấy hiệu là Tần-Thủy Hoàng-đế. Lấy hiệu đó ông có ý tự cho mình là ông vua thủy-tổ của nước Tàu và nước Tần chỉ đáng kể tự đời nhà Tần mà thôi.

Muốn làm bá-chủ thiên-hạ, ông diệt-trừ chế-độ chư-hầu, chia nước Tàu ra làm 36 quận, mỗi quận chia ra nhiều huyện, và hết thảy đều chịu mạng-lệnh tuyệt-đối của nhà vua.

Những kẻ sĩ đúc trong khuôn khổ Nho-giáo nổi lên phản-đối cho rằng bỏ chế-độ chư-hầu là nghịch với chánh-sách của tiên-nhân và dẫn sách xưa để chỉ-trích việc làm của Thiên-Tử.

Thừa-tướng Lý-Tư nói rằng : « Ngày nay bọn học-trò không theo kim mà theo cỏ, bài-bác chánh-sách hiện-thời làm rối loạn nhứt-tâm. Người ta cho sở-học của mình là hay mà bài bác những công-việc của bề trên. Như vậy mà không cảm thì ở trên thế vua phải kém, ở dưới loạn-dăng sẽ nổi. Cấm đi thì tiện. Xin rằng các sách sử không phải chép về nhà Tần

« thì đốt đi. Không phải là việc quan bác-sĩ mà thiên-hạ có người dám cất Thi, Thơ, và sách của bách-gia thì phải đem đến nộp tại quan Uy-y và quan Thủ-đề đốt đi. Ai dám nói chuyện với nhau về kinh Thi, kinh Thơ thì bắt bỏ chợ. Ai dám khen việc đời xưa mà chê việc đời nay thì giết cả họ. Quan-lại biết mà không cáo thì cũng xử đồng tội. Ra lệnh được 30 ngày mà không đốt sách thì bắt tội đồ đi đầy-thành. Những sách không bỏ là sách thuốc, sách bói và sách trồng cây. Ai muốn học pháp-lệnh thì phải lấy quan lại làm thầy » (Sử-ký) (1)

Hoàng-đế nghe lời và ra lệnh thi-hành triệt-đề. Những chồng sách tre cao-ngheo bị ngọn lửa tàn nhẫn thiêu-hủy ra tro. Còn lại một số ít là những cuốn sách được chôn vùi, giấu cất do một số nho-sĩ can-đảm đã liều mình để cứu-vớt cái đạo-thống của Thánh-Hiền.

Họ đã liều mình nên trong đám họ biết bao kẻ co-muru bại-lộ mà bị chết thâm-thương.

Hình như hồi đó Tân-thủy-Hoàng đã hạ-sát tới 490 nhà nho.

Sau khi đề-tiêu-diệt chế-độ phong-kiến, đốt sách và giết học-trò, nhà vua độc-tài này còn tiếp-tục mở-mang bờ-cõi và bình-định sơn-hà. Sau khi chiến-thắng khắp nơi, nhà Tần đã làm rộng địa-dò Trung-quốc : phía Đông tiếp tới Hoàng-hải và do theo bờ biển đi suốt tới hết địa-phận Việt-Nam, phía Tây đi tới Tứ-xuyên ; phía Nam thấu hết lưu-vực sông Dương-tử, gồm thành một đế-quốc phi-nhiều, phong-phú, đẹp-đẽ biết bao nhiêu !

Người Tây-phương gọi nước Tàu là Chine bởi hồi đầu đã làm tướng Tân Thủy-Hoàng là vua Thủy-tổ (le premier empereur) của nước Tần (Chin).

Vậy thì Chine là nước Tần mà thành nước Tàu, Chinois là dân nhà Tần mà thành dân Tàu. Giả-thuyết đó đúng hay không, không chắc được, nhưng nếu không có Tân-thủy-Hoàng thì nước Tàu hồi đó sẽ không tránh khỏi một tai-nạn ghê-gớm lắm là tai-nạn Hung-Nô. Hung-Nô là những dân du-mục, không văn-hóa nhưng rất thiện-chiến và mạnh-bạo vô-cùng. Họ đã đem sự khùng-bố rải-rải tới Âu-châu, họ đã ghe phen muốn xâm-lãng Trung-quốc, nếu không có binh-rông tướng

(1) Lời dịch của Đ. Oduy-Anh trong Trung-Hoa Sử-Cương

mạnh của Tần-thủy-Hoàng thì nước Tàu sẽ làm
mỏi cho họ một cách rất dễ-dàng thâm-hại.

Muốn đề-phòng một cách chắc-chắn hơn, Tần-
thủy-Hoàng cho xây bức Trường-thành Vạn-lý
dài theo cả biên-giới Trung-hoa về phương Bắc,
ngăn trung-nguyên với hai nước Mãn-châu và
Mông-cô.

Sự thật thì ở đời Chiến-quốc, những
nước Tần, Ngụy, Triệu, Yên tiếp giáp với
phiên-tộc đều có xây thành lũy đề đề-phòng,
nhưng không liên-lạc với nhau. Tần-thủy-Hoàng
nối liền những đoạn thành đó thành một dãy
đài liên-tiếp mà bây giờ người ta đo được
2.400 cây số (1). Trường thành dài 9 thước, cao
từ 12 tới 15 thước, cách khoảng lại có những
pháo-dài, những quan-ai, hiệp lại thành một
công-trình hùng-vĩ mà thế-giới ngày nay còn
phải ngạc-nhiên và kính-phục.

Nhưng muốn kiến-thiết một công-trình như
thế tất nhiên phải cường bách nhơn công và tất
nhiên phải hy-sanh biết bao nhiêu nhân-mạng.

Nhà vua trước hết bắt phu ở tù-tội, kể tới
là tội lái-buôn, và sau chót hết là tội nhà nho
giấu sách.

Những dân phu phải xây đắp trường-thành là
kẻ đã dấy mình vào lao-khố, là những kẻ nếu
không chết về công-việc nặng-nề thì cũng chết
về cực-hình của những viên đốc-quân tàn-bạo.

Đã nhiều thi-sĩ và sử-gia nói tới những lao-
khố của đời người vô-phước này và quả quyết
rằng nhiều viên đã đã có nhuộm máu người.

Ngoài cái Vạn-lý trường-thành, Tần-thủy-
Hoàng còn cho xây-đắp nhiều cung-diện nguy-
nga mà đồ-sộ hơn hết là cung A-Phông. Xây cung
này ông đã phải động-viên tới bảy trăm ngàn
dân phu. Phòng giữa có thể chứa nổi mười
ngàn người. Ở trong có thể treo được những
tấm màn cao mười tám thước !

Những công-việc làm của Tần-thủy-Hoàng
đều là những công-việc vĩ-dại do những thị-
hiếu phi-thường của một bậc siêu-nhân vô-đạo
mà người Tây-phương hay gọi là quỷ-vương
(un antéchrist).

Bậc quỷ-vương đó có oai làm cho người ta
sợ, có tinh-thần mãnh-liệt, có tài-trí vô-song,
nhưng chỉ thiếu lòng nhơn-đạo nên không có
sự bình-lĩnh ở tâm-hồn.

Ông biết rằng thiên-hạ sợ ông chứ không yêu
ông, nên chính ông cũng sợ sự báo oán của
người đời.

Ông cần phải ở những cung-diện rộng-rải
minh-mông, có nhiều phòng thay đổi, để ngừa
trước những cuộc ám-sát thỉnh-linh.

Ngoài ra ông còn tham vọng được bất-tử
trường-sanh.

Ông nghe lời và hầu như có hồi tin thật
những tui đạo-sĩ luyện kim-đơn để giữ cho ông
tránh khỏi lưỡi liềm của Thần chết.

Nhưng đó chỉ là một cái mộng-trưởng thiết-
tha.

Ông không quá hy-vọng mà quên lo hậu-sự.
Ở Ly-sơn ông cho đào sâu và khoét rộng để
xây nên một ngôi mộ vĩ-dại cho xứng-tương với
cái nhân-vật vĩ-dại của ông.

Bảy trăm ngàn người lính đã dùng tới đề
đào đất. Đào sâu tới mạch nước và đóng nền
bằng kim-khi. Ở dưới thì dùng thủy-ngân để
khơi nên những con sông Hoàng-hà, Dương-
tử và cả h biển minh-mông. Ở trên thì vẽ ra
muôn ngàn tinh-tú. Ở trong thì vẽ bản đồ
thiên-hạ.

Còn ở nơi chánh-tâm thì đề biệt bao nhiêu
là vàng bạc châu báu.

Những thợ chuyên môn đã chế ra những máy-
móc tinh-diệu để phòng những kẻ muốn xâm-
phạm vô lăng mà ăn trộm đồ quý-vật. Hễ ai
mạo-hiêm đi vô tức thì làm chuyển-động máy-
móc và sẽ bị những mũi tên bắn xả vào mình.

Những kẻ dặt ra những máy-móc đó đã bị
chôn sống luôn ở Ly-sơn và sau khi Thủy-Hoàng
chết, Nhị-Thế còn bắt luôn hết cả những cung
tần mỹ-nữ không còn phải chết theo để phụng-
sự cha mình !

Nhưng Tần-thủy-Hoàng tạ-thế là nhà Tần
cũng tiêu luôn.

Cái tài-trí của ông ta đã nuốt hết cả những
tài-trí của con cháu.

Cou ông ta là Nhị-Thế thua-sút nhiều lắm
không đủ tư-cách kế-nghiệp cho ông.

Ngôi sao đó khuất rồi, những ngôi sao khác
mọc lên.

Hạng-Vô cũng là một nhơn-tài nhưng nếu
còn Tần-thủy-Hoàng thì ngôi sao Hạng-Vô cũng
lu-lờ.

Lưu-Bang thua Hạng-Vô nhưng đã biết thấu
dụng hào-kiệt ở đời và đã nhờ sức giúp đỡ của
họ mà gây nên nghiệp lớn.

Nhưng chính những hào-kiệt đó cũng phải
chờ Tần-thủy-Hoàng băng rồi mới có thể tung-
hoàn thiên-hạ được. Đối với lịch-sử Trung-
hoa Tần-thủy-Hoàng có công nhiều hơn là có tội.

Nhưng Tần-thủy-Hoàng thiếu nhơn-đạo nên
đã để mất nhân-tâm.

Dân-tộc Trung-hoa oán-ghét Tần-thủy-Hoàng
nhiều lắm nên vui lòng hoan-nginh nhà Hán
và coi Hán-cao-Tổ như một vị Cứu-Tinh.

Nhơn đó mà tới nay người Tàu còn gọi mình
là Hán-nhơn và cho mình là Hán-tộc.

Nhưng Lưu-Bang gây dựng được sự-nghiệp
chính là nhờ Tần-thủy-Hoàng nhiều lắm.

Tần-thủy-Hoàng đã cương-quyết, đã tàn-bạo
để thống-nhất, để bình-dinh, để mở-mang nước
Tàu, ông làm nên những công-cuộc kiến-thiết
trừ-danh.

Ông đã chịu hết sự căm-hờn của thiên-hạ
để dự-bị cho thiên-hạ nức lòng ủng-hộ nhà
Hán sau ông.

THIỆU-SƠN.

(1) Theo Trung-Bắc Chí-Nhật số 133 thì Vạn-lý trường-
thành dài 3.500 cây số. Nhưng theo sách Quatre cents millions
d'hommes của M.A. Noiret thì số chỉ dài có 2.400 cây số mà
thôi. T. S.

FERDINAND DE LESSEPS
ĐÀ THẦU NGÃN ĐƯỜNG
HÀNG HẢI VỚI →

HAI KINH PANAMA và SUEZ

HỒI xưa cuộc thông-thương giữa các lục
địa chỉ do hai con đường bọc rất xa, bao
miền Nam Mỹ-châu do eo biển Mage'lan và con
đường bọc miền Nam Phi-châu. Muốn tránh
con đường xa xuôi làm mất lắm thì giờ, một ý
nghĩ đã nảy ra trong trí nhà ngoại-giao Ferdi-
nand de Lesseps. Chính ý ấy là đào hai con kinh
Panama và Suez, hai con đường đã thầu ngân
gân phần nửa đường hàng hải nối liền năm
châu.

Ferdinand de Lesseps sanh năm 1805 ở Ver-
sailles và chết năm 1894. Người ở vào triều
Napoléon đệ tam và làm chức lãnh sự của triều
đình Pháp ở Ai-cập. Chính thời kỳ nhậm chức
ở Ai-cập, nhà chánh-trị de Lesseps mới nảy
ra ý định đào xuyên eo đất nối liền Ai-cập với
xứ Arabie ở châu-Á. Lúc bấy giờ ở Pháp,
Napoléon đệ tam đang thi hành những chương
trình vĩ đại như lập những đường xe lửa cho tiện
sự giao-thông và sửa sang chuẩn-bị thành Paris
tuần nguy-nga đồ-sộ. Trông cậy vào đó, Ferdi-
nand de Lesseps mới đề chương trình lên, và
được Napoléon đệ tam chuẩn nhận. Nhưng thiết
hành lại phải gặp nhiều nỗi trở lực của chánh-
phủ Turquie và nhất là những nỗi cản trở của
Anh-quốc, địa vị còn lung lay ở miền Ấn-độ.
Nhưng mà nhờ lòng kiên-nhẫn, nhờ sự cương
quyết của Napoléon, Ferdinand de Lesseps vui
mừng mà thấy chương-trình mình được thi
hành.

Và kinh Suez khởi đầu trước nhất. Vấn biết,
từ xưa lắm, vua Né-Chao (Nécho) xứ Ai-cập
đã có ý muốn đào con kinh ấy. Công chuyện
đã làm, nhưng chỉ nối liền sông Nin (Nil) với
Hồng-hải (Mer Rouge). Vậy thì con kinh của
Ferdinand de Lesseps bắt đầu làm việc trên eo
đất rộng 120 cây số giữa vùng cỏ những
hồ Ba-La (Balah), Timsah và hai hồ Amers.
Ngày 25 Avril 1859, Ferdinand de Lesseps
khởi cuộc đất đầu tiên trên vùng Liqo, tỉnh
Port-Saïd. Và công trình vĩ đại ấy phải trải qua
bao nỗi khó-khăn cực nhọc ! Ở vào giữa sa
mạc mình mông, nước nổi thối hực, bão cát
luôn luôn rình rập để phá hại những công
trình của nhà lãnh sự. Nhơn công khó kiếm,
nhưng càng nguy hơn nữa là cả đoàn thám hiem
phải gặp những trở-lực ngấm-ngấm của các đế
quốc và các giống thổ dân lân cận. Phải chiến
đấu, phải kiên nhẫn, mười năm dần eo với
thời tiết và kẻ thù, con kinh Suez đã hoàn
thành năm 1869. Ngày khai mạc, 17 tháng mười
một lấy năm 1869 (17 Novembre 1869), bao
trùm một táng cách lớn lao, mở một kỷ nguyên

mới về việc giao thông mặt biển. 169 cây số
chiều dài, từ Port-Saïd, ngang tỉnh thành Iso-
mailia trên hồ Timsah, đến tỉnh Suez, con k nh
nối liền Địa-trung-hải và Hồng hải. Thiết ra
chỉ có 161 cây số là kinh thiết, còn 33 cây số
là biển hồ. Bề ngang kinh rộng 22 thước đến 40
thước, và làm rộng thêm vào 1899. Số ga cho
tàu đầu để tránh nhau lược tăng nhiều, mỗi cái
cách nhau độ 5 cây số. Đến năm 1887, sau
khí đặt xong tiền khí trên vùng mới khai phá,
sự giao thông ban đêm mới cho phép. Ngày nay
đi xuyên ngang kinh Suez chỉ mất 18 giờ rưỡi,
còn lúc mới khai mạc phải mất 52 giờ. Ước độ
con kinh ta biết vậy, sự ích lợi của kinh Suez
không phải nhỏ. Từ Địa-trung-hải sang Ấn-độ
đường, kinh Suez thầu hết cuộc hành trình còn
(Coi tiếp qua trang 11)

LIỄ CẦN LAO

Có tin ở Vichy cho hay rằng quan Tổng-
Trưởng bộ Cần-Lao định năm nay cuộc
« Liễ Cần-Lao » sẽ cử hành vào ngày chúa-nhật
30 Avril 1944. Lễ ấy sẽ tổ-chức long-trọng tại
kinh-đô Paris và ở các thị-trấn trong nước Pháp.
Các giới cần-lao từ chủ-nhơn, chủ-hãng cho tới
kỹ-sư chuyên môn và cả thầy thợ-thuyền đều
tham dự.

Cần-lao là điều trọng yếu hơn hết trong cuộc
Phục-Hưng, mà cũng là một đức tánh hiện nay
mọi người đều phải rèn tập. Phải bỏ dẹp các
cuộc vui chơi vô ích, để chăm lo cần lao đang
giúp nhà giúp nước. Chúng ta phải coi « Liễ
Cần-Lao » là cuộc lễ để nhắc chúng ta tu thân.
Vậy ngày ấy chúng ta phải tỉnh tâm suy niệm,
tự xét lại coi mình đã thay đổi tâm-hồn hoàn-
toàn để phụng-sự quốc-gia hay chưa. Như xét
mà còn có chỗ chưa được thành-tâm, chưa được
tận tâm, thì chúng ta phải cố gắng, gắng làm
cho đức cần-lao đầy-đủ.

Và vung theo huấn-lệnh của Quốc-Trưởng,
đầu chúng ta phải chịu thặng khổ đến thế nào,
đầu phải khóc trước cảnh điêu tàn tồn bại,
chúng ta cũng cứ giữ vững tâm-hồn, cứ tin
chắc có dựng Tọa-hóa hộ trì, cứ mong mỗi ở
Tuơng-lai hiện đạt.

N. K. T. B.

Khảo cứu và
phóng sự về
giống mọi ở

DÔNG-NAI THƯ'NG

Thiên phóng sự của ông Thái-hữu-Thành tạm ngưng một lúc, nay chúng tôi đăng tiếp. Còn bài dư-kỳ của cô Ngọc-Uyển chưa gởi đến tòa soạn, vì tác-giả không được khỏe. Luôn dịp chúng tôi chúc cho người mau bình phục. Được vậy ắt là độc-giả N.K.T.B. sẽ xem tiếp « Miền Thượng-du Bắc-kỳ » nay mai. — T. S

Ngải mọi

VỀ bài này tôi phải rất nhiều tâm trí ! Chồng viết mãi, một mình đối bóng đèn mờ, tôi suy nghĩ không biết có nên chia cùng các ngài những việc kỳ lạ và bí hiểm của giống người « Mọi Mọi » ấy không ? ! Bởi vì, nhiều câu chuyện, sự thực rành rành ra đó, nhưng mấy ai tìm hiểu được những cái nguyên-do ? Khoa học, theo ý tôi nghĩ, cũng không thể nào đánh đổ và đem những cái mặt mũi này ra ánh sáng.

Cũng như các pháp sư bắt tà, trừ quỷ, đi lửa, nuốt đinh ; gồng Cao mèn dao chém không đứt ; các thầy mo kêu mưa hù gió ; các tướng Chang soái dạn thành binh, sai đá khiên đồng, ngải mọi cũng có những cái huyền diệu vô song, cứu nạn độ thế...

Ngải mọi gọi là « Cà-ngao-ngòn », chia ra làm ba thứ, mà thứ nào cũng công hiệu như nhau. Ở đây, tôi xin nói cách thức làm ra ngải mọi cho các ngài hiểu rõ ràng cái công phu của chúng, nếu mỗi khi có ai đến « chuộc » chúng đưa ra hoặc một lý bột trắng, hoặc một củ vàng khé, hoặc một mảnh giấy vẽ hoàng làng những lần ngan, đường dọc đỏ hoe...

Nước tượng

Cái thứ nhứt kêu là « Đa-Rô-As » nghĩa là Nước tượng (voi).

Muốn có được thứ này không phải là dễ. Các « Ôn Djâu » (pháp sư) đi theo dấu một đàn voi nào, chịu đói chịu khát, trèo đèo lội suối, hoặc đi ba tháng, hoặc nửa năm, đôi lúc có con voi cái nhỏ chịu được mới có được thứ vật liệu này. Các ngài nên biết rằng giống

voi khôn lắm, mỗi khi « gần nhau » xong, chúng quay lại lấy vòi hay chân chùi đi cho biệt tang tích. Vì vậy mà không mưu kế, không can đảm, không khéo léo tất cả hằng bao giờ tìm ở đâu được...

Trước khi chịu được, con voi cái bú lên, rống lên, nhảy lên tung bưng, cạ con này, dạp con kia, bẻ cây nhỏ cỏ, phá khuấy động địa cả khu rừng rồi phát đầu chạy như gió bão. Từ thì sau nó có một con voi đực, cũng ra sức chạy theo và... cố nhiên, sau rốt có bọn « Ôn Djâu » theo nữa.

Qua bao nhiêu rừng, lội bao nhiêu suối, đến chỗ nào đất có gò, có giốc dựng ngược thì con voi cái lấy vòi quấn đôi ba vòng vào một thân cây to lớn, quai hai chơn trước và đầu sát xuống đất, giống dít lên, vòi cũng quấn đôi ba vòng vào cái thân cây ấy và nhắm mắt thi-hành phận-sự của Trời phú cho bất cứ về sanh vật nào ở trên trái đất...

Trong lúc này, trỉ tiếng lá rơi, cây cựa và hơi thở nhịp nhàng của hai con voi, đã có bọn Ôn Djâu lẹ làng, cẩn thận, bó sát lại bên, kẻ dưới đất một cái bầu dề... hứng cái « cứt » do hai bộ phận sanh dục tiết ra. Và độ chừng gần hết, chúng nhét nút cái bầu lại, mang lên vai, rón rén bỏ ra rồi cắm đầu mà chạy không kể chết... !

Về nhà chúng đem lên núi cao, hấp lấy nắng sương hằng ba bốn tháng mới làm thành ra thứ « nước tượng » được.

Máu vượn, khỉ

Cái thứ nhì gọi là « Ham Hô-Are » nghĩa là máu vượn, khỉ.

Các ngài nên biết rằng giống vượn, khỉ, có tay chân mặt mũi, cách ăn ngủ hành động tựa tựa như người vì vậy mà hằng tháng, mấy con cái cũng có đường kinh nguyệt như người vậy. Trong lúc ấy, chúng tìm những nơi hẻo lánh mà núp và lễ thứ lá cây « Tà ngà » để lột ngời...

Bọn « Ôn-Djâu » tìm cách lấy được cái « uế huyết » này đem về và giúp chúng có

các « ma xô » vẽ thành bùa mà làm ra thứ « máu vượn ».

Củ nghệ rừng

Còn cái thứ ba là « Kín ny bri » nghĩa là nghệ ở rừng.

Cái thứ nghệ rừng này ; cây, lá, củ, không khác gì thứ nghệ của mình nhưng nó có cái bí lực gồm ghê lắm mà những người đi rừng ai cũng phải sợ, thường gọi là cây ngãi.

Nó mọc thành đùm xanh tốt, lá hoặc tím hoặc vàng, hoặc hung hung tia rộng chừng hơn chiếc chiếu trải ra vậy. Hễ mỗi lúc có người lạ đi ngang thì cây lá nó rung lên phần phát, thành những tiếng rầm rầm, nếu biết thì nhờ những « Ôn Djâu » mọi chữa cho bằng không thì bị nó « ăn » hoặc đau bụng, đau đầu, đau cổ, mắt vàng, lưỡi nám mà chết...

Bọn « Ôn Djâu » tìm được những đám ngãi ấy, che chối ẩn nấp bên chúng, nói chuyện cười giỡn với chúng hằng ngày, rồi lựa hai cây thật tốt (cây đực cây cái) vuốt ve, khuyên nhủ để cho chúng cạ gần nhau y như là « làm mai » cho chúng vậy. Vậy mà không sớm thì muộn, hai cây ấy gieo ngon lại gần nhau rồi quấn kết với nhau như ta xe đầu tóc vậy, như thế nghĩa là ngãi chịu được, phải lấy rượu trắng phun lên hằng ngày cho đến ngày cây cái chữa, rồi trở hoa, tiết ra một thứ nhựa dính đục, Bọn « Ôn Djâu » hứng lấy, và đào lấy củ cây cái đem lên núi cao, ngâm trong nước nhựa kia, hấp lấy sương nắng cho khi nhựa rút khô hết vỏ củ ngãi là được...

Nói về công dụng của ngải mọi thì không phải !.

— Ngải có một đứa con sa mẹ bài bạc, hút xách, rượu trà ư ?

Chỉ có ngải mọi mới đem được đứa con ngài trở về con đường chơn chánh !

— Vì một sự hèn lèn mà vợ chồng ngài phải xa nhau và xem như cứu nhơn vậy ?

Chỉ có ngải mọi mới có thể chấp nối hai linh hồn ấy lại cái lành phúc như xưa !

— Ngài buồn bán lỗ lỗ bao lụt hơn xưa ư ?

Chỉ có ngải mọi mới có năng lực làm cho cửa hàng ngài được thịnh vượng đông đúc, tiền của vào như non nước.

Còn rất nhiều nữa ; nó có thể là bùa yêu, bùa thương, bùa mê, bùa chiêu hàng, đải k'bach.

Nhưng không phải dễ dàng gì mà chuộc được ngải mọi đâu. Phải hết lòng tin-nhiệm,

phải thành thật đừng có dụng ý lường gạt để phá hoại một đời kẻ khác. Phải đến tận non cao rừng thẳm, phải chịu « hạ mình » với các Ôn Djâu, phải ăn nằm với chúng một vài tháng như vậy, để chúng dò xét được tâm tính mình, thấu đáo được cõi rề mình, phải thề và phải chịu phép trước « Dzàng » của chúng, chúng mới cho chuộc bằng không thì đầu một trăm, một ngàn đồng, chúng cũng từ, chứ không phải thấy nhiều tiền mà chúng ham đâu ; chúng rất sợ tội phước và trung thành với Dzàng của chúng, hơn nữa, nếu mà dễ chuộc được ngãi mọi thì theo tôi nghĩ, trong đời này tất sẽ có nhiều câu chuyện lường gạt, giả dối, cướp bóc gồm ghê... !

Có rất nhiều lái buôn người Nam, muốn được lợi, theo rừ quên chúng mà chuộc ngải mọi về rồi đem bán cho người khác dùng để phá hoại tốt trình dân họ con gái, hoặc để sang đoạt tài lợi của người bị Dzàng nó phá và hành phạt đến phát điên cuồng, cầu cổ hoặc mờ mắt hay chuộc ruộ lên mà chết...

Cách đây 2 năm, em gái tôi bị mất cặp chiếc kiềng vàng để quên ở buồng tắm ; nhà không có ai ra vào, chỉ có chồng nó, với mấy đứa con nhỏ nó với đứa ở gác độ chừng 20 tuổi. Không lẽ chồng nó và con nó lấy, nên đầu ai thiêu trí cách mấy cũng hiểu là đứa ở lấy. Nhưng nghĩ cho đúng không phải khi không mà buộc tội cho nó được. Phải có bằng cứ chứ ! Mà bằng cứ ở đâu, bởi nó nó cứ bảo là không, và thề thốt, kêu ông bà và trời đất.

Chiếc kiềng vàng theo thời buổi ấy chỉ đáng 150p. là cùng nhưng vì thế trí, em rề tôi bán với tôi lên núi Trà-Trôm chuộc ngải mọi về bỏ cho con ở mới được. Tôi thì không tin cho lắm, nhưng chia lòng em rề tôi, tôi cũng đi.

Cơm gói nước bầu, đi ròng rã 3 đêm ngày mới đến xóm Ôn Djâu K'ngầu ở. K'ngầu cùng tôi là chỗ buôn bán quen nhau đã lâu. Thỉnh-thoảng nó có ngà voi, sừng mìn (bò rừng, trâu rừng) mặt gấu, nhưng non, thì chém chết, nó cũng đem ruộng cho tôi, mặc rề gì nó cũng bán, ăn ở nhà tôi năm ba ngày mới về, vì theo nó nghĩ, chỉ có tôi là không thêm lợi dụng bọn chúng, chứ kẻ khác thì đầu là của quỷ cách mấy, họ dụ cho uống rượu say mê thì thôi... họ tóm thâu hết cả, có khi mang gói mà về không !

(Còn tiếp) THÁI-HỮU-THÀNH.

KHÔNG LỘ THIÊN . SU'

DỜI đời Lý, Phật-giáo được sùng trọng gần như một quốc-giáo vì ông vua sáng nghiệp là một người đã sống ở nhà chùa từ nhỏ. Những nhà bác-học thông suốt cả kim phần nhiên là các sư tăng vì kinh Phật lúc ấy chưa được dịch ra, muốn học Phật các ông sư phải bắt buộc thâm hiểu chữ Hán mới nghiên cứu nổi sách Phật. Văn-sĩ thi-sĩ gần hết là sư. Trong hai mươi ba nhà văn đã có hai mươi ông sư, hai ông vua và một ông thượng-thơ.

Vào khoản niên-hiệu Thái-Ninh, ở xã Đàm-xá, huyện Chân-dịnh (nay là phủ Trục-Ninh, tỉnh Nam-dịnh) có một chàng trai trẻ tên là Chi-Thành, họ Nguyễn, chuyên nghề chài lưới ở các sông biển như Cồ-hồn, Thần-Phù, Cồ-dộng v. v. . .

Tuy là một gã thuyền chài nhưng những lúc công việc rảnh rang, Chi-Thành luôn luôn lo trau dồi tâm tánh, bầu rượu túi thơ chàng nghèo ngao vui thú yên hà, ngắm chơi trăng gió. Tư tưởng chàng lúc bấy giờ vốn thấm nhuần quan niệm Phật-giáo cho nên văn-chương chàng đã có vẻ khoáng đạt lắm. Những buổi thanh nhàn đánh cá, chàng vẫn thường lấy ngâm vịnh làm vui :

Mây xanh nước biếc muốn trùng,

Dâu chen khói tỏa một vùng thôn quê,

Ông chài giặc ngủ đang mê,

Quả trư thức dậy tuyết che đầy thuyền.

(ĐINH-GIA-THUYẾT dịch)

Năm hai mươi chín tuổi, cùng với người bạn đồng nghề, Nguyễn-quốc-Y, bỏ nghề đánh cá, đi theo học đạo với ông cư-sĩ Bảo-Tài, sư Thảo-Đường và sư Hà-Trạch.

Càng ngày càng thấy đạo-học thêm màu-nhiệm, lại thêm có chí đi du-học phương xa, Chi-Thành và Quốc-Y bây giờ là Không-Lộ và Giác-Hải theo đạo hiệu nhà chùa, quyết chí sang tận quê hương của đức Thích-Ca để hấp thụ tận gốc cái triết-lý thâm thúy của Phật-giáo.

Nhờ có lời của sư Thảo-Đường, một nhà sư trong phái Tuyết-Đậu-Minh-Giác ở Tàu sang, đang cai-quản trường Thiên-Tôn ở chùa Khai-quốc (Thăng-Long), Không-Lộ và Giác-Hải

theo thuyền buôn sang Tàu rồi sang Ấn-độ.

Phật-pháp tinh thông, Không-Lộ cùng bạn trở về quê nhà dựng am Duyên-Phúc, tụng kinh đa-la-ni, ngày đêm tu-luyện. Theo một truyền-thuyết thì sư Không-Lộ có thể bay được !

Tuy là một nhà tu-hành, sư Không-Lộ rất có công to với nền mỹ-thuật và công-nghệ của nước nhà. Lúc ở Tàu, ông học được nghề đúc đồ đồng, nay về nước ông vẫn thiết hành luôn và dạy lại cho người trong xứ.

Theo sách Bắc-Ninh chí thì nghề đúc đồ đồng có từ đời vua Trần-Phải-Tông (?) (1226) do một nhà sư tu-hành đặc-đạo lại có chí thông-minh trụ-tri tại chùa Phả-Lại, huyện Quế-dương, tỉnh Bắc-Ninh, tức là Không-Lộ thiên-su. Ông thường lấy đất nặn thành bình đồ dùng để phơi khô rồi nung đồng cho chảy ra thành nước đổ vào những khuôn ấy. Đồ đồng của ông làm chẳng kém gì đồ mua ở Tàu. Giúp việc ông có hai chú tiểu tên là Phan-quốc-Tài, quán làng Đề-Kiền và Trần-Lạc, quán ở Đông-Mai, thuộc huyện Văn-Giang.

Nghề ấy lan ra khắp nơi, nhưng ai cũng công nhận rằng đồ đồng ở hai làng Đề-Kiền và Đông-Mai, quê của hai chú tiểu, là tinh-xảo hơn cả.

Chính sư Không-Lộ đứng ra chỉ-huy công việc làm tháp Báo-Thiên, Phật chùa Quỳnh-lâm, đình Phở-Minh và chuông Quy-Điền tức là Annam từ đại khi.

« Tháp Báo-Thiên hay là Tháp Đại-Thắng Tư-Thiên xây năm 1057 ở chùa Sùng-Khánh trong chùa Báo-Thiên, nay là khu đất mé sông hồ Hoàn-kiểm. Tháp này cao 10 trượng, có 12 tầng. Mỗi viên gạch đều có in niên hiệu Long-Thụy Thái-Bình. Phật Quỳnh-Lâm là pho tượng đồng ở chùa Quỳnh-Lâm. Đình Phở-Minh ở Nam-dịnh và chuông Quy-điền ở Bắc-Ninh. Vật sau này đúc năm 1080 ở chùa Diên-Hựu, đúc xong đánh không kêu, cho là thành khí không nên phá hủy, bèn đặt vào ruộng ở chùa, vì ruộng có nhiều rùa nên nhiều người ở đấy gọi là ruộng Quy-điền, đều là những công

(Coi tiếp trang 14)

VẤN-ĐỀ THUỐC HÚT

CÙNG như trước đây lối 15 năm, vấn-đề thuốc hút lại được người ta đem ra bàn-luận như là một vấn-đề ăn và mặc.

Thuốc lá hiện giờ là một xa-xi phẩm được dân chúng các giới tiêu-thụ như một vật rất cần thiết, một khi đã thiếu-thốn và mất-mổ là nó gây nên một dư-luận không phải là không đáng lưu-ý.

Bây giờ đi đến đâu, trong xã-hội nào, vấn-đề thuốc lá cũng là chủ đề đầu mối chót lưỡi của mọi người. Kể đã ghiền nó, phải mua một giá mất đã đành, mà còn chịu nhiều lễ khó-khẩn nữa mới có mã hút, ấy là hạng có tiền.

Đến những kẻ làm-lụng suốt ngày để nuôi vừa đủ tạm thân đối với vấn đề này thì thật là phiến-phức.

Tuy nó không hành phạt người ghiền nó như nạn Phù-dung tiên-nữ, song kẻ nào đã « ăn chịu » với nó rồi, nay muốn đoạn-tuyệt nó, tưởng không phải là một sự dễ-dàng được.

Không thể đoạn-tuyệt với thuốc lá vào lúc này, tôi thấy người ghiền nó phải « khổ » để tìm món xa-xi-phẩm ấy.

Những thuốc lá đã vấn sẵn hiện được người ta đang khao-khát tìm nó mà hút đây, nào phải ở đâu đem đến, chính nó là cây nhà lá vườn của ta, nhưng nhờ có máy-móc tinh-xảo mà nó trở nên những điều thuốc có hình dáng sạch-sẽ dễ tiện lợi cho người hút mang theo mình đó thôi.

Nước mình không phải là không có thuốc hút, thế mà ta than thiếu than hút là do nguyên-nhơn nào ?

Phải chăng tại mình không có người khuyến-trương nghề trồng thuốc và làm thuốc theo phương-pháp Âu Tây, để tăng-gia theo số cung cầu của dân chúng ?

Phải chăng vì thuốc của ta như Gòváp trong Nam, Cam-Lê ngoài Trung, và thuốc Lào ở Bắc, nó phiến-phức và mất ngày giờ cho người khi dùng nó ?

Theo thời buổi này, tôi thấy sự phiến-phức trên kia mà sánh với sự khó-khẩn hút-kém của thuốc điều vấn sẵn, có lẽ nó không còn cho bà con đáng phàn-nản lo-ngại nữa, nếu quý ngài không « nặng nợ » với thuốc điện « Âu-hóa » mà phụ-phần bánh thuốc đặc Việt-Nam : thuốc Gòváp.

Vi vậy mà một bạn đồng-nghiệp đã hờ-hà, các người ghiền thuốc là hãy trở về với... Gòváp.

Nhưng trước khi muốn « trở về » với nó, tôi tưởng quý ngài cũng nên biết qua những cách thức đã sản xuất nó.

Vậy kể từ số báo sau, bạn đọc đón xem một cuộc điều-tra đại rất trọng-tận về thuốc lá Gò-váp từ khi còn cái hạt cho tới lúc thành ra bánh thuốc.

Bạn đọc sẽ tìm thấy trong bài điều-tra cách trồng thuốc, hái thuốc, ủ thuốc, xắt thuốc, bán thuốc, và... sự củng-kiến của người trồng thuốc, vì họ tin có mã quý khuấy-phá cho nghề họ thất bại, nếu họ không củng quai !

MẠC TÍNH-ĐỀ

Thơ tin

Cùng bạn đọc ở Trà-ôn. — Bạn nào vừa gửi ngân phiếu số D 45958-116 (Traôn 12-4-44) xin cho biết tên và địa-chỉ để chúng tôi ghi vào sổ.

Nhà sách Văn-Hóa Rachgia. — Chúng tôi có được thơ xin gửi thêm Đại-Việt tập chí số Vô-Tánh. Chúng tôi rất tiếc không còn cuốn nào hết.

Ông Phan-văn-Tài, Hòn-quần. — Chúng tôi có nhận thơ và mandat — Sách sẽ gửi sau — Rất cảm ơn.

Ông Nguyễn-hữu-Phương Dalat. — Chúng tôi sẽ gửi Đ.V. số 31 cho ông về hạn báo xin ông đừng ngại, lúc nào cũng được.

Cùng quý-vị đại-lý : Đại-Việt Tập-chí số Vô-Tánh xuất bản trong ba ngày đã bán hết tất cả, không còn cuốn nào. Xin đừng làm commande thêm.

Lông chuột, lông mèo, lông chó

THỜ xưa có hai anh em nhà kia yêu nhau lắm. Anh lớn tên Văn-Nô, em gái tên Văn-Nết, nhưng chúng nó thường ít gọi tên nhau.

Một ngày nó Văn-Nô, Văn-Nết ra đồng chơi, bỗng gặp một con mèo to đang vờ một con chuột lắt. Văn-Nô lượm đá liệng mèo, mèo hoảng sợ chạy trốn kêu: « Ngao! ngao! th ng bé hung dữ, mầy ném đá vào tao; tao bắt được mầy thì mầy sẽ biết tay tao! » Lúc đó chuột con lại gần Văn-Nô nói: « Cậu bé ơi! cậu đã cứu mạng tôi, tôi cảm ơn cậu lắm và muốn đền đáp tấm lòng tốt của cậu. Đây này, ở đuôi tôi có cái lông trắng; cậu nhờ lấy cất trong túi. Bao giờ cậu gặp tai nạn cậu cứ gọi tôi, tôi sẽ đến giúp cậu. Nhưng cậu coi chừng đừng đánh rơi cái lông. Nếu cậu để mất thì tôi không còn hay tin được nữa ». Văn-Nô nghe thế cười âm thầm và tự nghĩ: « Chuột lắt này lạ quá, nó tưởng ta sẽ cần đến một con vật bé nhỏ như nó vậy. Nhưng thôi, ta cũng y lời cho nó vui lòng ». Văn-Nô nhờ sợi lông trắng bỏ túi. Chuột lắt lễ phép thưa: « Từ giờ có cậu », rồi đi mất. Văn-Nô và Văn-Nết cũng dắt nhau dạo chơi.

Cách một giờ, hai anh em lại gặp một con chó to đang bóp cổ một con mèo bé. Văn-Nô lắt đá lượm đá ném chó. Chó giận vừa chạy vừa la: « Quấu! Quấu! Bé con xấu xa mầy, liệng đá tao! Tao bắt mầy được; mầy sẽ biết tay tao ». Lúc ấy con mèo lại gần Văn-Nô nói: « Cậu bé ơi! cậu đã cứu mạng tôi, tôi mang ơn cậu lắm; đây này, ở râu tôi có sợi lông hoe. Cậu nhờ lấy cất đi. Khi nào lâm nạn, cậu gọi đến tôi thì lập tức tôi chạy tới. Nhưng cậu giữ kỹ cái lông, nếu cậu làm mất, tôi không còn nghe tin cậu được nữa ». Văn-Nô nghĩ tức cười: « Con mèo quái lạ này tưởng ta phải cần nó. Nhưng thôi, ta cũng y lời cho nó vui lòng ». Văn-Nô liền nhờ sợi lông hoe bỏ túi.

Maison LIÊN-HOÀ

Máy y-phục phụ-nữ và đồ Short trẻ em, nhiều kiểu rất đẹp, có chemises và áo bà-bà thêu.

Mme TRƯƠNG-CÔNG-MÙI

Nº 108-110 Lagrandière.

gần chợ-mới Saigon

Tel. 21.780

Mèo lễ phép từ giả đi. Văn-Nô, Văn-Nết cũng lên đường tiến tới.

Một đôi xa, Văn-Nết thấy dưới suối ló lên cái đuôi, hai chân sau và cái lưng của một con chó đang vùng vẫy. Văn-Nết chỉ cho Văn-Nô xem. Văn-Nô nằm đuôi chó kéo lên thì thấy cổ chó bị buộc một cục đá to. Văn-Nô lật đật mở đá; con chó vừa rầy nước vừa nói: « Cậu bé ơi! cậu đã cứu mạng tôi, tôi quyết trọn đời không quên ơn cậu. Đây này, ở đuôi tôi có cái lông đen. Cậu nhờ lấy cất đi. Bao giờ gặp nguy cậu kêu tôi, tôi sẽ đến cứu cậu. Nhưng cậu phải cất kỹ sợi lông, nếu cậu để mất thì tôi không thể nào nghe cậu ». Chó vừa dứt lời, Văn-Nô cười rề tự nghĩ: « Các con vật này thật quái lạ. Chúng nó tưởng tượng ta phải cần chúng nó cả thấy. Nhưng thôi, ta nên làm vừa lòng mọi người ». Văn-Nô nhờ lông bỏ túi. Chó lễ phép từ giả đi. Văn-Nô, Văn-Nết dắt nhau dạo rừng.

Thình lình một đám cướp phủ vây chúng nó, bắt chúng nó cột lại đem về động, giao cho một cụ già đầu búp và nói: « Cho cụ hai trẻ để sai vặt. Bắt chúng nó làm việc từ sớm đến chiều. Nếu chúng nó lười thì lấy roi gân bò mà đánh ». Từ đó, Văn-Nô, Văn-Nết hầu hạ cụ già độc ác trên thế có một không hai. Chúng nó nhọc mệt cả ngày, chẳng một phút nghỉ, thế mà cụ già còn thẳng tay đánh khảo để chúng nó khóc kè cho vui. Tối bữa ăn, cụ cho chúng nó lương thực đủ khỏi chết mà thôi. Chúng nó khổ cực đủ điều, nhưng không dám than van vì sợ cụ già chế nhạo.

Một buổi chiều kia, trời vừa chập tối, bọn cướp về với nhiều tài vật vơ vè trong một lâu đài. Nào rượu nho, rượu ngọt, đủ các thứ rượu. Chúng nó bảo cụ già: « Này cụ, mau mau

Học theo Thi

Ông Đặng-thúc-Liêng, đã mở nhà dạy học, học làm thuốc Bắc và thuốc Nam và học chữ Hán, tại đường Louis Berland số 343, Phú-nhuận, Saigon.

Định ngày giờ dạy mỗi tuần, thứ hai, thứ tư, thứ sáu, dạy học làm thuốc Bắc và thuốc Nam, Biết chữ quốc ngữ học cũng được.

Sớm mai 9 giờ tới 11 giờ

Dạy học chữ Hán, chiều 7 giờ rưỡi tới 9 giờ rưỡi

nhóm lửa nấu đồ cho chúng ta đánh chén ». Khi tiệc sửa soạn xong, quân cướp ngồi bàn, cụ già nói: « Tôi cũng nhâm nhi với ». Nhưng tên đầu đảng can: « Không được, nếu cụ uống rượu, hai trẻ trốn mất ». — « Á, mầy đứa ranh; cụ gào lên. Các người xem tôi xử chúng nó ». Nói rồi, cụ túm chúng nó, cột chặt như đòn bánh tét liệng vô góc nhà và hăm: « Bày giờ trốn đi ».

Thật quả bữa chén đầy đủ. Nửa đêm mọi người từ chánh đảng tới lâu la đều say tit. Đến một giờ ai nấy ngủ vang, chính cụ già cũng vậy.

Văn-Nô khóc than: « Cụ già ác hại cốt chúng ta thế này khổ quá! Nếu không, chúng ta trốn được rồi. » — « Anh khờ lắm, Văn-Nết nói. Kêu, chuột cứu ta ». Văn-Nô nghe theo gọi: « Chuột lắt, mau đến giúp ta. » Tức thì từ phía chạy tới chuột là chuột, không phải mười, một trăm con, mà ngàn triệu con. Cả bầy xúm lại gặm đứt dây; hai trẻ được thong thả, chạy một mạch thoát khỏi động, trốn trong rừng.

Đùng ngo, chúng nó tới trước một cái nhà cỏ vè vè khéo, gỗ cửa. Một bà ra mở và khi vừa thấy chúng nó, bà ấy mừng rỡ reo lên: « Chà! các con đến phải lúc quá. Đã làm ngày rông ta không được nếm một chén con gái hay một đùi con trai nào cả, ta buồn lắm. Thôi, ta giết chú em trước, còn con bé kia để mai ». Chẳng tình dứt lời liền chụp Văn-Nô sắp-sửa cắt cổ. Văn-Nô la: « Mèo, mèo, đến cứu ta ». Tức thì mèo chạy tới, nhảy lên mặt chàng móc mắt, cắn mũi, lại lấy móng sắc quào ngược làm chó chẳng hoảng sợ, chạy vô rừng dưng đá, chạm cây, bẽ sọ mà chết.

Hai trẻ mang theo một ít bánh mì, bỏ nhà trốn đi vì sợ bà con bè bạn của chàng bắt ngờ chợt đến.

Chúng nó cần đại trong rừng, mệt lã dưới một gốc cây. Trời tối, gió lạnh, tuyết sa. Xa xa, vắng nghe tiếng hú ghê hồn của chó sói. Tiếng hú càng rõ, chó sói càng gần. Trong cảnh âm-u, mắt chó sói ngời như lửa cháy. Hai trẻ run vì sợ, vì lạnh ôm sát nhau, khóc và nói: « Trời ơi, chúng ta thoát khỏi tay cướp miệng chẳng để chết dưới hàm chó sói ». Bỗng Văn-Nết sực nhớ: « Văn-Nô, anh điên quá! Kêu chó cứu ta ». Văn-Nô liền to tiếng gọi: « Chó, chó. Mau đến giúp ta ». Từ xa vắng lại tiếng sủa: « Quấu! Quấu! » Tiếng sủa càng gần, rồi kể đó hàng trăm chó ào tới giết sạch giống sài lang. Lúc ấy, Văn-Nô, Văn-Nết nằm bất tỉnh vì lạnh. Chó cầm bầy lại kề bên hửi hơi và bảo mấy con kia: « Ấp-ủ hai trẻ cho ấm ». Bầy chó vung lời, con thì cọ mình, con thì liếm tay liếm mắt; một lát, Văn-Nô, Văn-Nết hồi tỉnh. Chó cầm bầy ra lệnh: « Các người nằm xuống cho hai trẻ lên lưng và đem chúng nó về nhà ». Chó cúi rạp, hai trẻ lên lưng nằm chắc chòm lông; chó đứng lên chạy một hơi tới nhà, ngừng trước cửa sửa vang. Cha mẹ Văn-Nô, Văn-Nết bước ra thấy con mừng rỡ ôm vào, pha nước tắm, cho uống một chén sô-

... Hai kinh Panama và Suez

phần nữa. Hơn nữa, kinh Suez là con đường giao thông lớn nhất từ Âu-châu sang Viễn-đông, sự ích lợi là dường ấy, nhưng người đồng thời với Ferdinand de Lesseps có hiểu rõ nỗi lo g nhà Lãnh sự chẳng? Kinh Suez là cả một bài toán kinh tế, can đảm và cứng-cỏi để đi đến một đả thông hoàn toàn ích lợi.

Có phải thôi đâu. Ferdinand de Lesseps vẫn nhìn lên bản đồ thế-giới, thấy các tàu buôn phải cực-nhọc chạy vòng miền Nam Mỹ. Trong đầu óc của Ferdinand de Lesseps, xứ Panama là eo đất Ai-cập thứ hai, và con kinh Suez thứ hai sẽ hiện-hiện lên trên vùng đất Panama. Vùng đất ấy chỉ dài 56 cây số từ hải cảng Colon, bên Đại-tây-dương sang hải cảng Panama bên bờ biển Thái-bình-dương. Năm 1881, dưới quyền chỉ-huy của Ferdinand de Lesseps một công-tý ráp vào việc đào con kinh dài trên 74 cây số. Con kinh mượn theo thung-lũng của rạch Chagres, và băng qua đồi Culebra. Công việc âm thầm tiếp tục. Năm 1889, 15 tháng bẩy (15 Mars), công-tý phải sụp đổ, công việc đành ngưng trệ. Năm 1893-94, một công-tý khác lập lên, mua lại những bản đồ đào kinh ấy. Năm 1902, công-tý mới ấy bán chương-trình lại cho người Mỹ với 200 muôn quan. Ngày 18 tháng mười một năm 1903, Panama ký tờ hòa ước với Mỹ nhường một vùng độc lập 16 cây số rộng ở mỗi bên kinh. Năm 1904, khai mạc kinh Panama. Công việc làm trong 8 năm, 25.000 thợ làm việc đào đắp kinh, để với đập nước. Kinh Panama chắt ngang eo đất Panama chia làm ba đoạn: một đoạn mé Đại-tây-dương, đoạn thứ hai ngang thung-lũng Chagres cao 26 thước khỏi mặt biển, đoạn thứ ba xuống Thái-bình-dương do hai đập nước. Kinh Panama chiếm địa vị quan trọng trên đường giao thông sang châu Á, đem những than đá, thiếc v. v.

Tới lại, mặc dầu Ferdinand de Lesseps không trực-thấy ngày khai mạc đầy rực-rỡ ở kinh Panama, nhưng de Lesseps cũng là người Pháp đầu tiên phát định đào kinh ấy. Ai ai cũng phải công nhận, đường băng-hải ngày nay được thâu ngắn làm lợi ích cho hơn ngàn không biết chừng nào, ấy là nhờ có hai kinh Panama và Suez, là công-trình vĩ đại của nhà lãnh-sự Ferdinand de Lesseps trở nên một gương sáng về tinh yêu nhân-loại, về lòng can-đảm và về chí phấn-đấu. BUI-NAM-TU.

cô-la nóng và đặt lên giường ấm-áp. Chúng nó ngủ thẳng thét một ngày một đêm, mới tỉnh táo thức dậy ăn uống vui-vẻ.

Về sau bọn cướp và cụ già đều bị bắt treo cổ. Còn đám chàng nhờ chuyện mèo-quào, từ đó cũng hoảng không dám ăn thịt trẻ vì sợ bẽ sọ, dui mắt. BỘI-CHI dịch.

VICTOR HUGO VÀO HÀN-LÂM VIỆN

VICTOR HUGO, nhà thi-hào trứ danh của nước Pháp được cả hoàn-cầu đều tôn sùng kính trọng, hồi mới chen vào làng văn, ông cũng gặp nhiều nỗi khó-khăn như các văn-sĩ khác.

Làm đầu phái lãng-mạn, ông viết bốn kịch «Hernani» và ngày 25 Février 1830 đem diễn tại hi-viện Théâtre-Français, gây ra một trận xung-đột dữ-dội giữa khán-giả, vì một phần lãng-mạn thì khen ngợi nên vỗ tay hoan-ngình, còn một phần cổ-diễn thì bất bình nên thổi tu-hít mà phàn - kháng. Mà chánh bốn tuồng ấy làm cho Victor Hugo được nổi danh.

Năm 1836 ông ra mặt xin dự cử đề vào Hàn - lâm-viện. Trót 5 năm ông hồng hoai, nhưng ông không mỏi lòng, cứ tranh cử luôn luôn.

Đến ngày 7 Janvier 1841 ông mới đắc cử với 17 lá thăm chọn ông, còn

15 lá thăm khác thì trog ông Ancelot, người tranh cử với ông. Và Hồng-Y de Richelieu làm Trưởng-quốc đời vua Louis thứ 13, lập Hàn-lâm-viện hồi năm 1634 chỉ định 40

nghe-viên mà thôi. Bữa nhóm cử ông Victor Hugo thì hết 8 nghe-viên vắng mặt, thậm chí ông Guizot, người ủng hộ ông Hugo cũng mắc dự hội ở Hạ-nghe-viện nên không bỏ thăm được.

17 vị này bỏ thăm cử ông Victor Hugo : Chateaubriand, Lamartine, Royer-Collard, Villemain, Nodier, de Ségur, Lacretelle, Pongerville, Soumet, Mignet, Cousin, Lebrun, Dupin, Thiers, Vien-net, Salvandry và Molé.

Còn 15 vị này thì không ủng hộ ông Hugo nên bỏ thăm cử ông Ancelot : Delavigne, Scribe, Dupaty, Roger, Jouy, Jay, Briffaut, Campenon, Féletz, Droz, Etienne, Tissot, Lacuée de Cessac, Flourens và Baour Lormian.

Với Victor Hugo mà có người ra tranh cử thiệt là kỳ. Mà càng kỳ hơn nữa là nhà văn ở trong viện Hàn-lâm hồi đó lại có tới 15 vị không chịu nhận tài của thi-hào Victor Hugo.

Những sự trái ngược như vậy ở đời nào và ở xứ nào cũng có. Nhớ vậy mà chúng ta nên cười, chớ không nên buồn !

HÙNG-VÕ



VICTOR HUGO

NHỮNG CUỘC DIỄN-THUYẾT

buồn cười hồi trước

GIAN đây thỉnh thoảng có vài cuộc diễn thuyết ở Saigon hay ở lục-tinh.

Nhưng cuộc diễn thuyết ngày nay khác các cuộc diễn thuyết hồi trước xa lắm. Cách mười lăm năm về trước cuộc diễn thuyết thường được tổ-chức vào dịp tranh cử Hội-dồng, và diễn-giả là các ông dự tranh, hoặc những phe đảng của các ông ấy. Người ta lên diễn-đàn để bày tỏ chương-trình tranh cử, và tranh-giả hầu hết cũng là các bạn cũ tri.

Cuộc diễn-thuyết ngày nay thì khác. Diễn-giả đều là nhà tri-thức, có nhiệt-tâm đối với việc công-ích, lên diễn-đàn cốt để bày tỏ ý-kiến của mình, sự kinh-nghiệm của mình đối với các vấn-đề thuộc về văn-học, luân-lý, thương-mại, kỹ-nghệ hay nông-nghiệp mà thôi. Cuộc diễn-thuyết ngày nay êm đềm và có lẽ hữu-ích cho thính-giả hơn các cuộc diễn-thuyết hồi trước nhiều lắm.

Cuộc diễn-thuyết hồi xưa thật là sôi nổi, rộn rịp, và nếu như ta gọi là một trò «múa rối», buồn cười, cũng không phải là oan.

Chúng tôi sẽ lần lược nhắc lại những cuộc diễn-thuyết buồn cười ấy. Hôm nay xin kể trước chuyện :

«Mấy muốn «giết» cái bàn sao?»

Vào năm 193... ở Saigon sắp có cuộc tuyển cử Hội-dồng Thành-phố. Lâu này có nhiều người ra tranh lắm ; có hi-vọng đắc cử hay không, người ta cũng cứ ra. Thì có tốn hao cực khổ gì bao nhiêu mà lo chớ. Ra tranh, được các báo nói tới tên tuổi, được dán chương-trình trong thành-phố, được đăng đàn diễn-thuyết, được công chúng chú ý tới mình trong một thời gian, có đắc cử thì làm ông Hội-dồng chơi, bằng chúng có biết mà lật tẩy mình, không bỏ thăm cho mình, thì mình cũng được «quảng cáo» khá lắm. Dám ra tranh cử mà thất cử, chẳng còn là bảnh hơn bao nhiêu người không dám ra sao?. Có

lẽ nghĩ như thế nên ông X. lối ba mươi tuổi² có chơn trong trường ngôn luận, hấp bẹ được ba cái tiếng Tây, nói tiếng Annam như cá-lâm, cũng vỗ ngực ra tranh, cũng ghi tên diễn thuyết.

Đêm ấy cuộc diễn-thuyết tổ-chức ở phòng rộng đình Xã-tây Saigon. Người ta đến nghe thật đông, nhưng không phải vì chú ý việc chánh-trị, mà là vì tánh tọc mạch háo kỳ đó thôi.

Đi nghe các ông cần-di-đa diễn-thuyết, khỏi mất tiền, chẳng sợ hơn là đi xem hát bộ Cầu-Muối hay sao?

Người ta chú ý nhưt, không phải là các ông Nghị-viên mãn khóa kia, mà chính là các ông thanh-niên chơn ướt chơn ráo, muốn kê vai gánh vác việc dân việc nước. Người ta muốn nghe các ông ấy, vì dụ như ông X... chẳng hạn, bày tỏ chương-trình, Người ta cũng ước mong, biết đâu chừng các ông không phải là... là hi-vọng, là rường cột tương-lai?

Hôm ấy thính-giả ngồi chật một phòng rộng ở Xã-tây, và nơi mấy hàng ghế đầu, cũng có xen lộn năm mười «bông hoa biết nói» nữa.

Một vài ông Nghị cũ, sau mấy hiệp chuông rung, ra nói ba bốn chuyện rồi, cúi đầu chào thính-giả mà rút lui, kể các ông nhỏ, các ông mới ra trình diện với cử-tri lần thứ nhưt.

Ông X. — lưng như chữ Tử — mặt tròn vinh, đầu chải láng, bẹn com-lê trắng, thắt nơ đen, miệng cười duyên, đang hoàng bước ra chào thính-giả một cách lễ phép. Tiếng vỗ tay vang lên bốn góc phòng.

Ba phút im lặng, ông X. bắt đầu nói, ông nói bằng tiếng Pháp. Tôi còn nhớ ông nói đại khái như vậy :

«Thưa quý bà, quý ông,
«Tôi học kém, tiền ít, tiếng làm không có,
«và cũng chưa có chút công lao gì với xã-hội
«đồng-bào... (Coi tiếp trang 19)

KHÔNG LỘ THIÊN-SU'

(Tiếp theo trang 3)

trình mỹ-thuật to tát còn để lại ngày nay » (1).

Sư Không-Lộ còn có nhiều pháp thuật cao cường và kỳ dị làm cho người đương thời phải khiếp học. Có lẽ ông học được phép thời-wiên mà tin-tử phát-giáo dùng để làm lợi khi cho sự truyền giáo lúc ông sang du-học ở Ấn-độ.

Tục truyền rằng thuở ấy vua Nhá-Tôn nhà Lý thấy rui, sà gõ trong điện tự nhiên có tiếng kêu rất to, truyền hỏi các quan. Có quan Chi-Huy tâu rằng: « Ấy là thứ mà mợ, có hai người là Nguyễn-minh-Không tức Không-Lộ và Giác-Hải ở xứ Sơn-Nam, đã học được phép phát rất tinh thông, có thể trừ ma ấy được ».

Vua hèn sai quan Chi-Huy đem 50 quân đi đón. Đến nơi Không-Lộ đem ra một phạn cơm con và một bát canh đã thiết đãi quân sĩ. Mọi người đều cười thăm chế ít, song cũng ăn uống ngồi lại ăn, không ngờ càng ăn càng thấy cơm canh nhiều mãi ra, mới biết là pháp thuật của Không-Lộ. Khi quân sĩ theo ông xuống thuyền về Thăng-Long, trời đã chiều tối, thế mà thuyền đi có một đêm, sáng hôm sau đã đến bờ sông Nhị-river. Ông và Giác-Hải vào đền trừ được ma mợ. Vua khen ngợi và phong hai ông làm Quốc-sư.

Lúc vua Thần-Tông bị bệnh điên hóa hổ, ông và Giác-Hải cũng chữa khỏi.

Sư Không-Lộ ngoài những lúc đọc kinh ngắm kệ còn là một mỹ-thuật-gia và một người luôn

1. — Theo Việt-Nam cổ sử học sử, trang 116, 117, 118 (Nguyễn-dông-Chi)

RỢI KIẾN (Rayon X)

Phôi, tim, bao-tử, ruột...

Docteur: LÉ-VAN-NGON
CÀNHƠN

luôn bận rộn với những công việc lợi ích cho nước nhà.

Đầu vậy ông cũng không xao lãng việc văn-chương. Thơ của ông lúc chưa đi tu vẫn có cái vẻ nhàn hạ thanh thản. Từ thơ đời đạo, lời thơ xinh đẹp không thua gì thơ Bạch-Đường. Đến lúc từ trần nhiệm màu của đạo-giáo thâm nhập vào tri não thì thơ của ông lại đượm vẻ lạ lùng, rùng rợn, như thơ đời Tống.

Long xa đất ở chọn lâu nay,
Mượn thù quê vui mới trôi ngày;
Có lúc đưa chân lên đỉnh núi,
Kêu dài một tiếng lạnh cung mây.

(ĐINH-VĂN-CHẤP dịch)

Vào buổi phát-giáo phát triển đến cực độ, sư Không-Lộ đạo học uyên bác và thông minh tuyệt vời, là một ngôi sao sáng của phái Thiên-tôn và của nước Việt-Nam, đáng cho ta kính phục.

NGỌC-NHƠN.

Đỉnh-chánh

Đại-Việt lập chi số 33, ngày 16-2-44, trong bài « Đêm xuân xem văn cô » trang 21 bây giờ có một thầy vô danh hạ sĩ tên là Chu Ngang, xin đọc là Chu Ngang mới đúng. N. N.

Sté. des SUCRERIES & RAFFINERIES

de L'INDOCHINE

Sucre cristallisé supérieur
Sucre en morceaux
Sirop pur sucre
Mélasse pour distillerie

BUREAU à SAIGON

11, Place Rigault de Genouilly, 11
Direction générale à HIỆP-HÒA
CHOLON



(Tiếp theo)

S AO chị lại nói « có lẽ » ?

— Chị là chị nó. Chị thương nó, lẽ nào nó không thương chị.

— Chị thương nó làm hả ?

— Nó là em út. Em đi rồi thì còn có một mình nó.

— Hồi ra đi, em có xin chị rán thương nó. Chị không trái ý em, thì em vui lắm. Còn đời với chị, đi ăn ở thế nào ?

— Cũng vậy, như hồi có em ở nhà.

— Cha mất rồi, mẹ đi cùng vào khổ khác với cái hoai hay sao ?

— Tại tánh di như vậy, đời sao được. Di hay rầy la, chớ không khổ khác chi lắm. Chị quên rồi cũng không biết gì.

— Chị là Phật-bà, nên không biết thế nào, giỏi quá.

— Chị tập tánh ý quên rồi, chị không thêm buồn việc gì nữa cũng không muốn giận ai hết em.

— Chồng bỏ không phiền, mẹ ghê khổ khác không tức, em đây dọa cũng không giận, to-ràng chị là Phật sống.

— Chị có phải tiên Phật gì đâu em. Chị nghĩ phiền giận một trí vô ích, nên chị không thêm phiền giận chớ.

— À, chị hai, thầy như Vĩnh còn dạy ở đây hay không chị ?

— Không. Thầy hưu trí hồi năm ngoái, nghe nói thầy về ở đầu dưới Trá-vinh.

— Không biết thầy khá hay không ?

— Chị không hiểu được. Nghe như thầy có người con học Hà-nội, cách mấy năm trước thi đậu về dạy học bên Mỹ-tho.

Chị em nói chuyện ló-xé mắt mới dắt nhau trở về nhà.

Sen ở trường gà về hỏi nào không biết, mà Qui bước vô nhà thì thấy Sen mặc quần vải

với áo thun vàng, đương ngồi mang giày đá banh.

Sen thấy Qui thì cứ ngồi mang giày như thường, chỉ ngó anh mà cười và hỏi: « Anh mới về anh ba ».

Qui đương nhìn em, trẻ mới lác đầu, rồi nghiêm nét mặt mà hỏi lại: « Tao bỏ nhà đi làm ăn cực khổ trời 12 năm. Nay tao về. Mày mừng tao như vậy đó hạp với tình huynh-đệ, nghĩa đồng-bào làm hả ? »

Sen mang giày xong rồi, vừa nghe anh bắt lỗi thì đứng dậy dợm đi và cùng-quần đáp:

— Vậy chớ mừng sao nữa ?

— Mày đi đá gà về, có lẽ chú Tiên đã có cho mày hay rằng tao về chớ ? Có hôn ?

— Có.

— À, lẽ thì mày phải đi kiểm mà mừng tao hề. Chú Tiên chớ có nói với mày rằng tao với chị hai đi thăm mộ cha chớ. Chú có nói hôn ?

— Có.

— Ủ. Mày không đi kiểm mà mừng tao, mà cũng không ở nhà chờ tao về. Mày lại thay đồ tinh đi đá banh chơi. Cử-chỉ của mày như vậy đủ chứng rõ mày không có tình nghĩa với anh mấy một chút nào hết. Mày biết lỗi của mày chưa ?

Sen xụ mặt, không trả lời.

Qui nói tiếp: « Bây giờ cha đã mất rồi. Tao là anh lớn, tao thế quyền cho cha. Từ rày sắp lỗi mày phải tuân lệnh tao. Hiện giờ mày phải ở nhà cho tao hỏi thăm việc nhà, không được đi đá banh. Kể từ ngày mai, mày không được đi đá gà nữa. Tao cấm tuyệt sự ấy. Ăn no rồi đi đá gà, hết gà rồi đi chơi, làm trai như vậy không hổ hay sao ? A-lê, đi thay đồ cho mau, thay đồ đặng tao có hỏi công chuyện ».

Sen riu-riu đi vô buồng thay đồ, không dám chống cự, nhưng sắc bất bình lộ khắp mặt mày bộ-tịch.

Mỹ lo sửa soạn nấu cơm chiều, ôn lại mấy phẩm thực, thì chẳng có chi xứng đáng dọn bữa cơm mừng em, nên đương tình trong trí coi có phải làm thịt một con gà hay không và như phải làm thịt một con gà nào, con gà mái tơ gần nhảy ù hay là một con trong bầy gà nhỏ mới dùng giò.

Qui cỡi áo bánh-tô mọc trên gác nài, rồi lấy nón mành luôn trên đó nữa. Thấy chủ Tiền đương quét nhà, Qui mới kêu :

— Chủ Tiền, chú làm ơn quét dọn cái phòng ở chái trên cho sạch-sẻ đừng tới nghĩ, dọn y như hồi trước, chú nhớ hôn ?

— Tôi quét dọn rồi, cậu ba à, Hồi trưa cậu ra ngoài mộ, tôi ở nhà tôi lo việc ấy xong rồi hết. Tôi đem hoa-ly của cậu tôi để trong phòng, cậu vô đó mà thay đồ.

— Tôi có cái giở máy, chớ có hoa-ly đâu.

— Tôi nghe họ kêu cái đó là hoa-ly nên tôi bắt chước... Hoa-ly máy.

— Không. Giở máy, chớ không phải hoa-ly. Tôi chưa có thể sắm hoa-ly được. Chú hiểu hôn ?

Không biết chủ Tiền hiểu thế nào mà chủ chần miệng cười hệt-hạt và đáp :

— Giở hay hoa-ly cũng vậy, thứ nào cũng để dựng áo quần, miễn kín đáo thì thôi, nhưt là cần có đồ ở trong, chớ ở ngoài tốt hay xấu có cần gì đâu.

— Chà chà, năm nay chú nói giọng triết-lý nghe thông quá !

— Triết-lý gì ?... Tôi không hiểu.

— Chủ hiểu không nói đâu.

— Cậu đi thay đồ đi, thay đồ cho mát mà chơi, bận đồ đó coi bức quá.

— Không. Đồ này mát lắm chớ.

— Tôi quét giởng, trải chiếu, có để gối cho cậu nằm nghĩ. Ngặt nhà không có mùng, không biết làm sao.

— Không có thì thôi, Chủ đừng lo.

— Đề bà và tôi thua với bà kiếm mùng giăng cho cậu ngủ chớ.

— Không cần. Tôi ngủ trần đã quen rồi. Tháng này có mười mùng gì mà phải có mùng.

— Cậu dễ quá. Lớn rồi mà tánh ý cũng còn vậy hoài. Ngộ quá.

— Chủ làm. Tôi đổi tánh nhiều lắm. Đề tôi ở ít bữa rồi chú sẽ thấy.

Hai người ngó nhau mà cười, cái cười chơn chất, thương yêu, dan-dịu.

Qui đi thẳng lại chái trên và vô phòng của mình ngày xưa mà coi. Chủ Tiền đi theo nói : « Tôi có đề cái bàn nhỏ của cậu ngồi học hồi trước vô phòng nữa, để cho cậu sắp đồ vật ».

Qui gác đầu, bước lại đứng dựa cửa sổ ngó ra vườn, rồi trở ra đi khắp hết nhà trên mà coi từ ngoài tới trong.

Sen đã cỡi bộ đồ đá banh ra rồi, bây giờ mặc bộ đồ vải trắng, chơn mang guốc sơn, đầu chấy láng mượt, ra đứng dựa lan-can ngoài hàng ba mà hút giò, dường như không có anh và trong nhà.

Coi hết nhà trên rồi, Qui xuống nhà dưới. Mỹ vui-vẻ ngó em, kêu chủ Tiền mượn rượt bắt giùm con gà mái tơ. Qui không cần ngăn, để cụ thông thả sắp đặt cách ăn mừng tại miệp, nên bỏ đi thẳng ra ngoài vườn mà nhìn lại cảnh cũ đầu xưa.

Cặp cu uất đầu trên ngọn-tre đương hiệp nhau mà gầy. Thuyền chơ lùa đi ngang qua dưới sông, trạo phu cất tiếng hát du-dương. Quang-cảnh mà Qui đã từng nghe thầy học nhỏ, bây giờ diễn lại trước mắt như xưa, diễn một cách rất rõ-ràng, lại có pha lộn ít nhiều thú-vị, làm cho Qui đã lịch duyệt hơn-tinh cao tuấp, mũi đời dằng cay, nếu chẳng khởi lộ ngoài miệng một mìn-cười, cười chơn-ban, hay cười khinh-ngạo, duy có Qui biết mà thôi, chớ ngoài không luận hiểu được.

Trở vô nhà, Qui thấy Sen xờ-rờ thì hỏi :

- Ở nhà em có đi học hay không ?
- Có.
- Học đến bậc nào ?
- Học trường Càng-Long đây.
- Có bằng Sơ-học hay không ?
- Có đi thi mà không đậu.
- Sao không học nữa ?

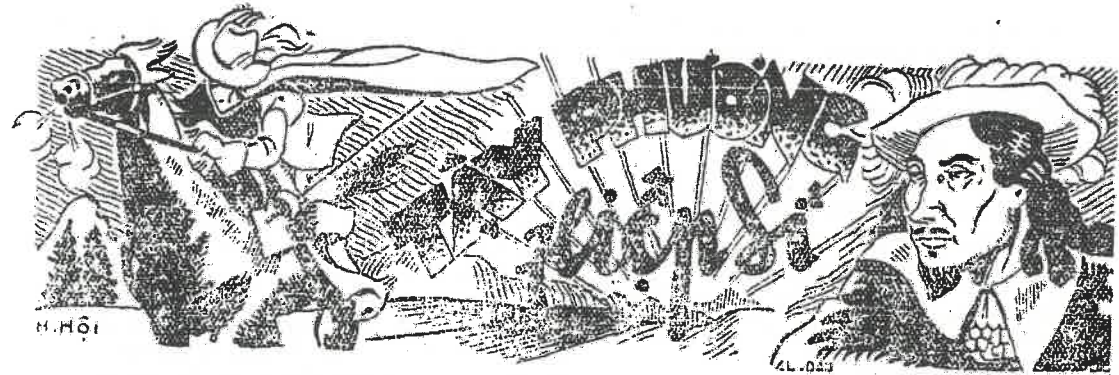
(Còn nữa)



DO PHONG GÌ

Sanh nhưc môi, đau lưng, tê bại, sưng, ngứa ngám, mề-dại, ghê-lác. Uống TRÚ PHONG GIẢI ĐỘC HUỒN của Nhà thuốc « HAY » Cánh-thơ. Uống ít nhuận trường, nhiều thì xỏ. Đàn bà sanh con có phong đẹn ghẻ nuôi không đặng, uống dưới phong sau sanh con nuôi đặng. Mua lẻ từ 5\$00 không chịu tiền gởi. Giá: 1\$80 Không ký thái. — Cần mỗi chỗ một Đại-lý.

Tổng Đại-lý: { Saigon: Antonco, 18 Gallieni }
 { Rachgiá; Ngọc-Hiền }



NGHĨA là Khanh biết phân-biệt một chiến-lũy kiền-cổ với một đồn-lũy thường của các chư hầu, phải chăng ?

— Tàu bệ-hạ, thần thông-hiệu diệu.

— Vậy thì Khanh hãy thần-hành đến Bretagne, đi một mình, chớ nên cho ai theo, đầu cho người nhà cũng vậy.

— Tàu bệ-hạ, xin cho thần biết tại làm sao phải đi một mình ?

— Bởi vì, trong cuộc hành-trình này, nhiều khi Khanh phải giả dạng tôi-tớ nhà giàu-sang, để cho người ta đờn nhìn biết Khanh. Ở Pháp này người ta biết Khanh rất nhiều, nếu hần-bờ thì e lậu sự. Khanh rong chơi cùng xứ Bretagne và dò xem cho kỹ những đồn-lũy xứ ấy.

— Tàu bệ-hạ, dài theo gành biển ?

— Không phải dài theo gành mà thôi, phải xem-xét mấy cù-lao nữa. Trước hết Khanh dò Belle-Isle-en-Mer.

D'Artagnan ngược mặt lên ngó nhà vua với cặp mắt sáng-láng và nói giọng nghiêm-nghi :

— Cù-lao ấy của Fouquet, tàu bệ-hạ ?

— Phải, Khanh nói đúng.

— Vậy thì bệ-hạ muốn cho thần xét coi cù-lao Belle-Isle có phải là một căn-cứ chắc-chắn không ?

— Nhâm.

— Tàu bệ-hạ, lại phải xem coi đồn-lũy mới hay củ ? Coi bộ-thần của Fouquet có quá số dự-dịnh chăng ?

— Đó là những điều tâm muốn biết, Khanh liệu rất hay.

— Nếu như Fouquet không có tu-bổ đồn-lũy lại, thì thần làm sao ?

— Khanh dạo chơi cùng xứ Bretagne, lóng nghe hư-thiệt và xét đoán cho hiểu biết tinh-hình.

D'Artagnan vuốt râu đáp :

— Tàu bệ-hạ, thế thì hạ-thần làm kẻ dò-thăm cho bệ-hạ ?

KIỂM - HIỆP TIÊU - THUYẾT
 do Thân-Văn
 Nguyễn-văn-Quý
 dịch truyện :
Le Vicomte de Bragelonne
 của Alexandre DUMAS

(Tiếp theo)

— Không phải. Khanh đi đây là khám-phá chớ không phải dò thám. Tay cầm thanh kiếm, cầm đầu đoàn ngự-lâm-quân, dân đảng, chỉ địa-thể quán nghịch, như thế là dò-thăm sao ?

D'Artagnan nghe nói, giục mình, suy nghĩ : « Phải rồi, không phải là dò-thăm ! Chỉ chỗ quán nghịch đồn-trở, tức là đóng vai tướng chiến-sĩ... »

— Tàu bệ-hạ, nếu như người ta tu-bổ, sửa-sang Belle-Isle thì sao ?

— Khanh lấy họa-đồ đồn-lũy về cho trẫm.

— Người ta đầu có để cho thần vào mà lấy họa-đồ ?

— Đó là phần việc của Khanh, trẫm không cần phải biết tới. Vậy chớ khi này Khanh không có nghe trẫm nói rằng mỗi một năm trẫm phụ thêm cho Khanh 20 ngàn đó sao ?

— Tàu bệ-hạ, vàng, nhưng nếu người ta không tu-bổ đồn-lũy thì sao ?

— Thì Khanh theo-thả trở về, không cần một người một ngựa.

— Tàu bệ-hạ, vậy thì thần đã sẵn-sàng.

— Mai này Khanh trình tại đình quan Tổng-trưởng Tài-chánh để lãnh một phần lương của Khanh. Khanh biết Fouquet chăng ?

— Tàu bệ-hạ, ít biết lắm, nhưng mà thần có cần chi phải biết ngài gấp ?

— Phải như vậy, là vì trẫm liệu thế nào Fouquet cũng từ-chối không phát lương cho Khanh và chỉ-hỏ chỗ ấy là chỗ trẫm trông-dợi đó.

— Tàu bệ-hạ, rồi thần phải làm sao ?

— Fouquet từ thì Khanh lại trình với Colbert mà lãnh. Tiên đây trẫm hỏi : Khanh có ngựa hay chăng ?

— Tàu bệ-hạ, thần có một con ngựa đáng gọi là Thiên-lý-mã, thần mua 150 đồng vàng.

— Vậy để trẫm mua lại hai trăm, Khanh hãy lấy giấy đây.

— Tàu bệ-hạ, bệ-hạ mua rồi thần còn ngựa đầu mà làm chon !

— Không phải, trăm nói mua chó kỳ thật là cho. Trăm làm như vậy đáng làm chủ con ngựa. Hễ ngựa về trăm thì chắc khanh không uổng tay; như vậy mới làm tròn nhiệm-vụ.

— Bệ-hạ gặp làm sao?

— Việc rất gấp.

— Tàu bệ-hạ, đá gấp thì thân phải đi liền, chớ không dám đợi tới hai ngày.

— Trăm bảo đợi là vì có hai duyên-cớ.

— Tàu bệ-hạ, không sao, con ngựa của hạ thân có thể lập được hai ngày trễ đó. Ngày ra đi, thân phải đi giờ nào?

— Ngay bây giờ khanh ở đâu?

— Tàu bệ-hạ, từ đây thân phải ở trong đền Louvre.

— Trăm không muốn. Khanh bày ở chỗ cũ ngoài thành, trăm sẽ trả tiền Khởi hành. trăm định ban đêm, vì trăm không muốn cho người ta thấy khanh đi, mà nếu như người ta thấy thì lại không biết khanh là người của trăm. Khanh phải kín miệng. Khi này, trăm hỏi khanh ở chỗ nào, vì không lẽ trăm cứ cho người kiếm khanh ở dinh Bà-tước La Fère hoài được.

— Tàu bệ-hạ, thân ở tại cửa hàng Planchet, bán đồ gia-vi, hệu đề « Pilon d'Or ».

— Khanh không nên ra khỏi nhà thường, cũng không nên chường mặt cho người thấy, đợi lệnh trăm.

— Tàu bệ-hạ, thân phải đi lãnh lương.

— Phải, nhưng mà đường đi lại bộ Tổng trưởng Tài-chánh thiên-hạ dập-diu, khanh chèn lộn mà đi thì không ai để ý.

Nhà vua bên ký giấy cho Hiệp-sĩ đi lãnh tiền và nói:

— Trăm kiêu khanh, chắc khanh đã hiểu ý trăm?

— Tàu bệ-hạ, thân hiểu rằng bệ-hạ sai thân tới Belle-Isle, để cho biết công-ước tu-hồ đồn-lũy của Fouquet.

— Trăm lại định rằng khanh sẽ bị bắt.

— Tàu bệ-hạ, thân lại không đề bị bắt.

— Trăm còn định khanh sẽ bị giết chết.

— Tàu bệ-hạ, không chắc được.

— Nếu như khanh bị bắt thì thủ khẩu như

binh, còn như khanh bị giết, thì không có giấy tờ chi nói đến cuộc hành-trình của khanh.

D'Artagnan bèn từ vua trở về, tự nghĩ: « Cái đám mưa ở Anh hời còn rơi hột, ta cứ ở dưới măng-xối. »

L I V

Trong khi D'Artagnan trở về nhà Planchet, trí hung-khuân chan-chứa chuyện vừa xảy ra ở đền vua, thì lại có diễn ra một lớp-tuồng tuy khác thể-cách, song không phải là không dính-dấp với câu chuyện mà nhà hiệp-sĩ vừa bàn-luận với nhà vua. Có khác chăng chỉ là lớp tuồng này diễn ra ở ngoại kinh-dô Paris, trong một tòa nhà ở làng Saint-Mandé, của quan Tổng-trưởng bộ Tài-chánh Fouquet.

Quan Tổng-trưởng vừa về tới nhà, có viên thừa hiến nhứt đi theo, ôm một cặp da dày giấy-tờ để cho Fouquet xem-xét và ký lên.

Vừa xuống xe thì ng i bước-bỏ bước lên thêm, đi sang qua các gian-phòng. Tới phòng văn, ngài bảo ngài cấm phòng để làm việc, không cho ai làm lộn ngai, dặn cho vì một chuyện quan-trọng cũng vậy. trư khi có lệnh nhà vua thì mới được thông báo.

Truyền lệnh xong, Fouquet đóng cửa phòng lại, phía ngoài có hai đứa gia-dịch canh giữ. Phía trong ngài dấy một cái chốt tức thì có một tấm bản in ông tướng chạy qua, chân ngừng cửa, làm cho ở phía ngoài phòng không trông thấy bên trong lại cũng không nghe lọt lời nói. Chắc quan Tổng-trưởng nhứt định cấm phòng để làm việc, chớ không có ý chi khác. Cho nên ngài bước ngay lại bàn viết, ngồi xuống ghế, mở cặp da, rút giấy tờ ra chọn-lựa xem-xét.

Ngài cấm phòng chưa đầy mười phút thì có tiếng gõ rất đều lọt vào tai và làm cho ngài chú ý. Ngài ngược mặt lên, lóng tai nghe.

(Còn nữa)



Agents Exclusifs : BOY-LANDRY

Những cuộc diễn thuyết

(Tiếp theo trang 13)

Thỉnh-giã rục rịch, lục đục, nhưng ông X. nói tiếp:

« Nhưng Trời lại cho tôi một bầu nhiệt huyết, « cô làm lòng bác-ái, hăm mộ được làm việc « công ích, công nghĩa. Ô hô! Còn có cơ hội « nào nên xuất đầu lộ diện hơn là dịp tranh « cử Hội-đồng? Tôi ra tranh chức Nghị viên « Thành-phố Saigon để bảo hộ quyền-lợi, lo « lắng sự ấm lạnh của anh em trong thành- « phố... »

Phía dưới có tiếng vỗ tay lớp lớp, phía bên tả có tiếng « sỵt, sỵt... » ông X. ngừng lại, cười cười.

Người ta im lặng, nhìn như chờ ông X. nói tiếp. Mấy muốn coi mắt đang chòng chọc nhìn lên sân khấu, ngó thẳng hót vào mặt ông X. đang xoa xát hai lần tay và dón dác như muốn kiếm cái gì.

Một tiếng *Comme ça* (Hỡi! Hỡi!) thổi từ phía sau xa góc phòng vang lên để thúc-giục điêngiã. Những tên-tiểu nhân xoa xoa mặt, bẻ tay, ung ung tới lui, như tưởng là quên vật gì ở đâu mà không nhớ nổi.

Người ta xăm xăm, người ta lục đục, tiếng giã, tiếng gõ đã khua cùng ở hàng ghế thứ nhì, phần đờng là các tân-văn kỳ-giã, đã khởi sự nhào nhào, có ông đã dợm muốn đứng, muốn nói.

Bỗng ông X. bước tới ít bước, cung tay mặt tròn vo, đập xuống bàn cái đùng! Thỉnh-giã hơi yên lặng. Người ta định bụng chắc ông sắp nhập đề, ông sẽ nói một chuyện quan trọng, chuyện mà ông rất ưc, ông ôm ấp bấy lâu, nay trước khi xi ra, ông phải vỗ-ghe đập bàn để khai màn cho nó.

Ông đập bàn cái đùng nữa!

Người ta rời vời nhau: « Có lẽ phải. Chuyện quan-trọng, đáng chú ý. Tương dữ trước khi xuất chinh thường phải... phát pháo khai thành... »

Ông X. lại ngó ngay xuống thỉnh-giã, đập bàn cái nữa!

Nhiều người ái ngại: « Ông làm cái gì? Sao ông chưa nói? Đập ba cái đùng rồi!»

— Ủa lạ! Ông đập cái nữa. Một, hai, ba... bốn cái rồi, sao nói gì ông chưa nói?

— Ông quên mất rồi chăng?

— Ai ngồi đây mà đợi ông chớ?

PHƯƠNG THUỐC HO-LAO

Tôi có 1 phương thuốc trị bệnh ho lao của ông bà để lại hay quá. Xưa nay chỉ đ giúp người ở thôn lán. Nó trị bệnh nhẹ thì mau lành, còn bệnh thiệt nặng như tiếng tắc, mệt và nóng lạnh liên-miên, tôi cho uống thì chỉ bớt trong một lúc, không hết; chớ còn bệnh ho chưa thiệt nặng như nói trên và những chứng ho thường như: ho ra máu, ho khan, ho đàm, ho phong vân... vân... thì uống mau lành lắm. Còn người bị tề bị đánh động phổi tức ngực thì uống càng mau hơn. Có nhiều người dùng thấy hay, khuyến khích tôi làm ra bán khắp nơi cho ai cũng dùng được; nhưng vì phương thuốc này mắc quá nên tôi không muốn. Nay người ta khuyến khích quá và tôi nghĩ lại có nhiều bệnh tổn bạc ngàn mà không hết thì thuốc này sánh chăng không mắc gì, nên tôi làm ra và chia nhảm mỗi ve uống một tuần thì già 1 + 3 00. Tùy bệnh, uống 1 hoặc 2 hay 3 tuần thì lành.

Uống thuốc này rồi ngoài còn phải có cách kiêng cử và lựa chọn món ăn và phương pháp làm cho phổi mau tươi nhuận bệnh mới mau lành. (Tôi có cái sổ trong toa). Trong hộp có hai tờ thuốc uống: 1 tờ thứ uống nhuận trường dưới đêm trong phổi ra dai trường; 1 tờ bổ phổi trị ho. Vậy ai muốn mua, viết thư kể thật rõ bệnh, đề:

Gởi Monsieur NGUYỄN-VĂN-SÁNG
Ctre B. Cựu Hương-giáo làng Tân-Quới
Boite postale n° 10 (CANTHO)

NOTA. — Thưa quý ông, quý bà! Số thuốc dự trữ cuối tháng chạp Annam thì hết. Bộ thuốc mới tính nhảm mỗi ve mắc hơn trước 25%0, tức là 14\$00. Vậy đầu năm Annam mỗi hộp từ 14\$00.

Ai biết ông quên cái gì mà nhắc ông bây giờ?

Cô-hồn Saigon hay giống gì xui khiến không biết, ông X. nhà ta sẵn còn cung tay, lại đập cái đùng cho đùng nữa chực! Hết thể chịu nổi, trong đám viết báo có anh Kh... nóng nảy, đứng xôm dầy, chống nạnh hai quai, ngó ngay mặt điêngiã và nói lớn sau cái đập bàn thứ sáu:

— Mais X...! Tu veux tuer la table, toi? (Nè anh X...! Bộ anh muốn « giết » cái bàn ấy sao chớ?)

Thiên hạ cười một cái rần! Điêngiã cũng cười, nhưng bèn lên sục lui, để lại sân khấu một sự bí-mật mà có lẽ đến ngày nay, có nhiều người cũng chưa tìm ra duyên cớ!

XUÂN-MỸ

